

Số: 66 /2026/TT-BGDĐT

Hà Nội, ngày 11 tháng 08 năm 2026

THÔNG TƯ

**Hướng dẫn tiêu chuẩn, định mức sử dụng
máy móc, thiết bị chuyên dùng trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo**

Căn cứ Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 123/2025/QH15;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học số 125/2025/QH15;

Căn cứ Luật quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14;

Căn cứ Nghị định số 279/2026/NĐ-CP ngày 12 tháng 7 năm 2026 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg ngày 14 tháng 6 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 10/2026/QĐ-TTg;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch – Tài chính;

Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư hướng dẫn tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư này hướng dẫn tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 6 Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg ngày 14 tháng 6 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 10/2026/QĐ-TTg.

2. Thông tư này áp dụng đối với đơn vị sự nghiệp công lập, bao gồm:

a) Cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên, trường chuyên biệt và cơ sở giáo dục khác (sau đây gọi chung là cơ sở giáo dục).

b) Đại học, trường đại học và cơ sở giáo dục đại học có tên gọi khác, trường cao đẳng sư phạm, trường cao đẳng có nhóm ngành đào tạo giáo viên (sau đây gọi chung là cơ sở đào tạo).

c) Các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan.

3. Thông tư này không áp dụng đối với cơ sở giáo dục nghề nghiệp, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều này.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Máy móc, thiết bị chuyên dùng trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo quy định trong Thông tư này là những máy móc, thiết bị đồng bộ; máy móc, thiết bị đơn chiếc; dây chuyền công nghệ; phần mềm quản lý, nền tảng ứng dụng, quyền truy cập thư viện số, học liệu số; dụng cụ; đồ dùng, đồ chơi; bàn; ghế; bảng; tủ/giá, kệ và các thiết bị khác (sau đây gọi chung là thiết bị) được sử dụng cho hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, dạy, học tập, đào tạo, thí nghiệm, thực hành, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, chuyển đổi số trong các cơ sở giáo dục và cơ sở đào tạo.

Điều 3. Mục đích hướng dẫn về tiêu chuẩn, định mức sử dụng thiết bị

1. Làm căn cứ để các cơ quan quản lý giáo dục, cơ sở giáo dục, cơ sở đào tạo xây dựng tiêu chuẩn, định mức sử dụng thiết bị.

2. Làm căn cứ để các cơ quan quản lý giáo dục, cơ sở giáo dục, cơ sở đào tạo lập kế hoạch và dự toán ngân sách; giao, mua sắm, thuê, quản lý, sử dụng, xử lý máy móc, thiết bị.

Điều 4. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng thiết bị trong các cơ sở giáo dục

1. Tiêu chuẩn thiết bị

a) Thiết bị có trong danh mục thiết bị dạy học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

b) Thiết bị bổ sung, tăng cường hoặc không có trong danh mục thiết bị dạy học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo bao gồm:

- Thiết bị, đồ dùng nhà ăn, nhà bếp, khu ở nội trú phục vụ cho việc nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ em và học sinh;

- Thiết bị phục vụ cho công tác thi và tuyển sinh, đánh giá, bảo đảm chất lượng;

- Máy móc, thiết bị lắp đặt trong các phòng học, phòng đa năng, phòng họp, phòng sinh hoạt tổ chuyên môn, phòng học bộ môn, thư viện, phòng hoạt động đoàn đội, phòng truyền thống, phòng hỗ trợ giáo dục trẻ em, học sinh khuyết tật hòa nhập, phòng tư vấn học sinh, nhà đa năng,...;

- Thiết bị vệ sinh trong khu vệ sinh của trẻ em, học sinh, giáo viên;

- Thiết bị phục vụ cho công tác y tế trường học;

- Thiết bị, dụng cụ hoạt động thể dục thể thao trường học;

- Thiết bị phục vụ cho các trường chuyên biệt;

- Thiết bị, hạ tầng chuyển đổi số giáo dục, xây dựng trường học số, trường học thông minh;

- Phần mềm, nền tảng ứng dụng;

- Quyền truy cập thư viện số, học liệu số;

- Thiết bị phục vụ giáo dục STEM/STEAM;

- Thiết bị khác phục vụ cho các hoạt động giáo dục, dạy và học.

2. Định mức thiết bị

Để xác định định mức thiết bị, các cơ sở giáo dục căn cứ theo các nguyên tắc sau:

a) Đối với thiết bị có trong danh mục thiết bị dạy học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành:

Căn cứ quy mô trẻ em, học sinh, số nhóm, lớp và các quy định trong danh mục thiết bị dạy học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành để xác định số lượng, đảm bảo đủ thiết bị phục vụ cho hoạt động dạy, học, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trong các cơ sở giáo dục.

b) Đối với thiết bị bổ sung, tăng cường hoặc không có trong danh mục thiết bị dạy học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, căn cứ theo các nguyên tắc sau:

- Phù hợp với nội dung chương trình và các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục;

- Theo định hướng phát triển của cơ sở giáo dục để đạt được các mức độ đạt chuẩn về cơ sở vật chất và thiết bị trong từng giai đoạn;

- Quy mô trẻ em, học sinh, số nhóm, lớp, quy mô giáo viên;

- Đáp ứng yêu cầu đổi mới phương pháp giáo dục, dạy và học;

- Nhu cầu sử dụng thực tế;

- Điều kiện về nhân sự hỗ trợ giáo dục, cơ sở vật chất để lắp đặt, bảo quản và khai thác sử dụng thiết bị.

Điều 5. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng thiết bị trong các cơ sở đào tạo

1. Tiêu chuẩn thiết bị

- Thiết bị trong các phòng thí nghiệm, phòng thực hành; xưởng/trại/trạm thực tập, thực hành, thực nghiệm;

- Thiết bị trong các thư viện hoặc trung tâm thông tin - thư viện, dây chuyền công nghệ phục vụ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ;

- Thiết bị phục vụ cho công tác thi và tuyển sinh, đánh giá, bảo đảm chất lượng và kiểm định chất lượng;

- Máy tính, phương tiện kết nối mạng máy tính, các phần mềm hỗ trợ cho giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học; phần mềm quản lý; nền tảng ứng dụng; quyền truy cập thư viện số, học liệu số; các thiết bị nghe nhìn, hệ thống bàn, ghế, tủ/giá, kệ được lắp đặt trong các phòng học, hội trường, phòng sinh hoạt chuyên môn, giảng đường, trạm y tế, phòng thí nghiệm, phòng thực hành; xưởng/trại/trạm thực tập, thực hành, thực nghiệm, thư viện hoặc trung tâm thông tin - thư viện;

- Hệ thống điều hòa, hút ẩm, bảo ôn, phòng cháy chữa cháy, xử lý nước, chất thải trong các phòng thí nghiệm, phòng thực hành, phòng nghiên cứu khoa học; xưởng/trại/trạm thực tập, thực hành, thực nghiệm;

- Thiết bị khác phục vụ cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và các nhiệm vụ đặc thù của cơ sở đào tạo.

2. Định mức thiết bị:

Để xác định định mức thiết bị, các cơ sở đào tạo căn cứ theo các nguyên tắc sau:

a) Quy mô sinh viên, người học, giảng viên quy đổi theo định hướng phát triển của cơ sở đào tạo.

b) Theo yêu cầu, mục tiêu và chất lượng của ngành đào tạo, chương trình đào tạo; theo yêu cầu, mục tiêu và chất lượng của nghiên cứu khoa học gắn với đào tạo và chuyển giao công nghệ; theo yêu cầu và mục tiêu của các nhiệm vụ, dự án, chương trình, đề tài nghiên cứu phục vụ đào tạo.

c) Quy mô sinh viên, người học của từng ngành đào tạo.

d) Điều kiện về nhân sự hỗ trợ đào tạo, cơ sở vật chất để lắp đặt, bảo quản và khai thác sử dụng thiết bị.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Đối với sở giáo dục và đào tạo

a) Căn cứ quy định tại Thông tư này xây dựng tiêu chuẩn, định mức sử dụng thiết bị cho các cơ sở giáo dục thuộc phạm vi quản lý.

b) Trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

2. Đối với các cơ sở đào tạo

a) Căn cứ quy định tại Thông tư này, xây dựng tiêu chuẩn, định mức sử dụng thiết bị của đơn vị.

b) Trình cơ quan có thẩm quyền quyết định hoặc quyết định theo phân cấp quyết định tiêu chuẩn, định mức sử dụng thiết bị của cấp có thẩm quyền.

3. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng thiết bị chuyên dùng được công khai trên cổng thông tin điện tử của các sở giáo dục và đào tạo, cơ sở đào tạo.

Điều 7. Xử lý chuyển tiếp

1. Đối với các tiêu chuẩn, định mức sử dụng thiết bị trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo đã được cơ quan có thẩm quyền ban hành hoặc phân cấp thẩm quyền ban hành trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, bảo đảm phù hợp với quy định tại Thông tư này thì tiếp tục thực hiện. Trường hợp không phù hợp với quy định tại Thông tư này thì tiến hành rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

2. Đối với các dự án đầu tư, mua sắm thiết bị đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện.

Điều 8. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ~~26~~ tháng ~~9~~ năm 2026.
2. Thông tư số 16/2019/TT-BGDĐT ngày 4 tháng 10 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo hết hiệu lực kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.
3. Chánh văn phòng, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch – Tài chính, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo; Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố; Giám đốc sở giáo dục và đào tạo; Thủ trưởng các cơ sở đào tạo và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

Nơi nhận:

- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ;
- Cục KTVBQPPL và TCTHPL (Bộ Tư pháp);
- HĐND, UBND các tỉnh, TP;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các thủ trưởng (để phối hợp);
- Sở GDĐT các tỉnh, TP;
- Như Điều 8;
- Công báo;
- Cổng thông tin điện tử Chính phủ;
- Cổng thông tin điện tử Bộ GDĐT;
- Cơ sở DLQG về PL;
- Lưu: VT, Vụ PC, Vụ KHTC (5 bản).

KT. BỘ TRƯỞNG
V. THỦ TRƯỞNG



Đoàn Trung Kiên